

**THERAVĀDA**

**LUẬT TẬP YẾU**  
**KHUDDASIKKHĀ**

**GIẢNG SƯ**  
**SAYADAW U KUNḌADHĀNA**

**BHIKKHU PAVARADHAMMIKA**  
**PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH**

**BUỔI 6**

**DIỆU NHÃN CHUYỂN DỊCH**  
**NGUYỄN NHƯ TRÌNH BÀY**

Tuần trước chúng ta đã nói về 4 giới bất cộng trụ - pārajika, buổi học hôm nay là đến với phần kết luận.

Trong phần tóm lược lại của pārajika thì tất cả có tổng cộng là 24 tội pārajika:

**Cattāro (i)ti = 4, thus:** Bốn, như vậy.

**catubbīsa = there are 24:** Có 24.

**samodhānā = totally:** Tổng cộng.

**Parājikā (i)ti = pārajikas, that is about pārajika:**  
Đó là về pārajika.

Chúng ta mới chỉ học về 4 giới pārajika - bất cộng trụ thôi, do vậy còn 20 giới pārajika nữa.

**Idhāgatā (idha + āgatā) = directly mentioned in this Khuddasikkhā:** Nói trực tiếp trong Luật Tập Yếu này. Trong Luật Tập Yếu - Khuddasikkhā thì nói là có 24 giới bất cộng trụ, do vậy ba câu kệ sau sẽ giải thích tại sao lại có 24 giới Pārajika - Bất cộng trụ.

16.

**Asādhāraṇā cattāro, bhikkhunīnamabhabbakā;  
Ekādasa ca vibbhantā, bhikkhunī mudupiṭṭhiko.**

**Asādhāraṇā** = *uncommon to bhikkhu*: Không có (đối với) Tỳ-kheo.

**cattāro (4 pārajikas)** = *4 pārajika Bhikkhunīnam of (bhikkhunis)*: Bốn giới pārajika của tỳ Tỳ-kheo ni. Đối với Tỳ-kheo ni thì không chỉ có 4 Pārajika mà có tới 8 Pārajika - Bất cộng trụ. Như vậy thì sẽ có 4 Pārajika - Bất cộng trụ sẽ không có đối với các vị Tỳ-kheo.

**Abhabbakā** = *unable persons*: Không được phép.

**Ekādasa ca (11)**: 11 hạng người này không được phép xuất gia Tỳ-kheo, thậm chí xuất gia gieo duyên (ngắn hạn) cũng không được.

**ABHABBAKĀ = UNABLE PERSONS - 11 HẠNG  
NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC PHÉP XUẤT GIA  
(EKĀDASA CA 11)**

ABHABBAKĀ = UNABLE  
PERSONS - 11 HẠNG NGƯỜI  
KHÔNG ĐƯỢC PHÉP XUẤT  
GIA (EKĀDASA CA 11).

1. Paṇḍaka = gay: Người đồng tính nam. Có 5 loại người đồng tính nam.

2. Theyya-saṃvāsaka = stealing association. Trộm tăng tướng.

3. Titthiyapakkantaka = the bhikkhu who moves to titthiya life (only effect to bhikkhu): Vị Tỳ-kheo chuyển sang ngoại đạo (chỉ áp dụng đối với tỳ kheo).

4. Tiracchāna = animal: súc sanh. Trong trường hợp này súc sanh là những loài như: Nāga – dragon: rồng, Garuda – kim-xi-điểu, Deva- chư thiên

5-6-7-8-9. Having Ānantariya Kammās: Phạm 5 Trọng nghiệp

10. Bhikkhuni-dūsaka = who makes sexual intercourse to bhikkhuni: Người mà quan hệ tình dục với tỳ kheo ni.

11. Ubhatobyñjana = who has both male and female organ: Người có cả bộ phận sinh dục nam và nữ.

1. **Paṇḍaka** = *gay*: Người đồng tính nam. Có 5 loại người đồng tính nam.

**opakkamika, napuṃsaka** = *and some pakkha among 5 gays*: Trong đó có 2 loại người đồng tính nam tuyệt đối không được phép xuất gia Tỳ-kheo. Hạng người pakkha thì có lúc vẫn được cho phép xuất gia Tỳ-kheo nhưng có lúc thì không được phép.

Có 2 loại người đồng tính vẫn được phép xuất gia Tỳ-kheo:

- i. **Āsittaka** = *who used to sup/absorb semen by mouth*: Người mà ngậm hoặc mút lấy tinh dịch bằng miệng.
- ii. **Ussūya** = *who used to watch secretly others' sexual intercourse*: Người mà rình xem sự quan hệ của người khác và bản thân cảm thấy thỏa mãn với sự dục vọng đó.

Có 2 hạng người đồng tính không được phép xuất gia Tỳ-kheo là (**Opakkamika và Napuṃsaka** )

- iii. **Opakkamika** = *already removed organ-egg*: Người bị thiến. Ví dụ: Ngày xưa những người nam phục vụ trong hoàng cung, phục vụ trong khu vực của người nữ thì họ sẽ bị cắt bộ phận sinh dục (thái giám).
- iv. **Pakkha** = *who exceed raga-kilesā on certain fortnight, not always*: Người khởi dục bức bách nửa tháng nhất định, không phải là luôn luôn như vậy nhưng nếu trong nửa tháng đó họ không khởi dục bức bách thì có thể xuất gia. Còn nếu trong nửa tháng mà cái dục của họ quá mạnh và không thể kiềm chế được thì khi đó họ không được phép xuất gia. Vì vậy hạng người Pakkha này phải chờ tới khi raga-kilesā (dục bức bách) giảm xuống không còn nữa thì lúc đó họ mới được phép xuất gia.
- v. **Napum̐saka** = *whose organ is not clear*: Người có bộ phận sinh dục không rõ ràng (giới tính không rõ ràng) thì chắc chắn là không được phép xuất gia.

**PAṄDAKA = GAY:  
NGƯỜI ĐỒNG TÍNH  
NAM. CÓ 5 LOẠI NGƯỜI  
ĐỒNG TÍNH NAM.**

**Có 2 loại người đồng tính vẫn  
được phép xuất gia Tỳ-kheo:**

**Āsittaka = who used to sup/  
absorb semen by mouth:  
Người mà ngậm hoặc mút lấy  
tinh dịch bằng miệng.**

**Ussūya = who used to watch  
secretly others' sexual  
intercourse: Người mà rình  
xem sự quan hệ của người  
khác và bản thân cảm thấy  
thỏa mãn với sự dục vọng đó.**

**Có 2 loại người đồng tính  
KHÔNG được phép xuất gia  
Tỳ-kheo:**

**Opakkamika = already  
removed organ-egg: Người bị  
thiến.**

**Napum̐saka = whose organ is  
not clear: Người có bộ phận  
sinh dục không rõ ràng**

**Hạng người PAKKHA thì có  
lúc vẫn được cho phép xuất  
gia Tỳ-kheo nhưng có lúc thì  
không được phép.**

**Pakkha = who exceed raga-  
kilesā on certain fortnight, not  
always: Người khởi dục bức  
bách nửa tháng nhất định,  
không phải là luôn luôn như  
vậy nhưng nếu trong nửa  
tháng đó họ không khởi dục  
bức bách thì có thể xuất gia.**

2. **Theyya-saṃvāsaka** = *stealing association (it is only effect to layman & Sāmaṇera, not effect to bhikkhu)*: Trường hợp này là chỉ áp dụng đối với cư sĩ nam và sa-di nhưng không áp dụng đối với Tỳ-kheo. Do vậy cư sĩ nam và sadi phải rất cẩn thận để không trộm tăng tướng bởi vì khi đã trộm tăng tướng rồi thì cả đời này sẽ không được phép xuất gia Tỳ-kheo nữa. Đối với cư sĩ nữ thì không có vấn đề nhiều.

### CÓ 3 LOẠI TRỘM TĂNG TƯỚNG:

i. **Liṅga-thenaka** (thenaka: trộm; liṅga: tướng) = *who steals appearance by self-wearing-robe without upajjhāya teacher except the man who pretends as a bhikkhu because of dangers and does not count bhikkhu's vassa etc...*: Vị sa-di trộm tướng khi không có thầy tế độ mà vị đó tự ý đắp y. Trừ trường hợp ngoại lệ người nam giả làm Tỳ-kheo do gặp sự nguy hiểm và vị đó không tính số hạ Tỳ-kheo, do vậy vị nam này vẫn được phép xuất gia về sau.

ii. **Samvāsa-thenaka** = *the sāmaṇera who steals bhikkhu's life or count his vassa as bhikkhu*: Samvāsa nghĩa là Tỳ-kheo hoặc đời sống Tỳ-kheo. Hình tướng Tỳ-kheo nghĩa là vị sa-di này trộm tăng tướng của vị Tỳ-kheo, nói mình là Tỳ-kheo, sống cùng vị Tỳ-kheo và tính hạ như vị Tỳ-kheo. Trường hợp này được gọi là trộm tăng tướng.

Ví dụ: Trường hợp một số vị sa-di tham gia những tăng sự cùng với chư tăng và vị đó cũng nói với những vị khác là mình được 5, 6 hoặc 7 hạ rồi.

iii. **Ubhaya-thenaka** = *both līṅga-thenaka and samvāsa-thenaka*: Cả hai. Tức là vị đó vừa tự ý đắp y, tự ý giả làm Tỳ-kheo và cũng nói mình có cả hạ lạp nữa.

## CÓ 3 LOẠI TRỘM TĂNG TƯỚNG:

1. **Liṅga-thenaka** (thenaka: trộm; liṅga: tướng) = who steals appearance by self-wearing-robe without upajjhāya teacher except the man who pretends as a bhikkhu because of dangers and does not count bhikkhu's vassa etc: Vị sa-di trộm tướng khi không có thầy tế độ mà vị đó tự ý đắp y.

2. **Samvāsa-thenaka** = the sāmaṇera who steals bhikkhu's life or count his vassa as bhikkhu: Samvāsa nghĩa là Tỳ-kheo hoặc đời sống Tỳ-kheo. Hình tướng Tỳ-kheo nghĩa là vị sa-di này trộm tăng tướng của vị Tỳ-kheo, nói mình là Tỳ-kheo, sống cùng vị Tỳ-kheo và tính hạ như vị Tỳ-kheo. Trường hợp này được gọi là trộm tăng tướng.

3. **Ubhaya-thenaka** = both liṅga-thenaka and samvāsa-thenaka: Cả hai. Tức là vị đó vừa tự ý đắp y, tự ý giả làm Tỳ-kheo và cũng nói mình có cả hạ lạp nữa.

Đối với các vị sa-di phải hết sức cẩn thận trong trường hợp "tắm truồng" - tức là tắm nhưng không mặc y. Nếu vị đó tự soi mình trong gương và thấy "Ôi mình đẹp quá..." và muốn trở về lại cuộc sống cư sĩ, thì ngay lúc đó vị ấy đã không còn là sa-di nữa mà đã trở thành cư sĩ rồi. Nếu như vậy mà vị ấy

đi ra ngoài (kuti) và đắp y trở lại thì vị ấy đã rơi vào trường hợp thenaka (trộm tăng tướng). Chính vì như vậy nên sa-di nên mặc y lúc tắm.

3. **Titthiyapakkantaka** = *the bhikkhu who moves to titthiya life (only effect to bhikkhu)*: Vị Tỳ-kheo chuyển sang ngoại đạo (chỉ áp dụng đối với tỳ kheo).

4. **Tiracchāna** = *animal*: súc sanh. Trong trường hợp này súc sanh là những loài như: Nāga – dragon: rồng, Garuda – kim-xí-điều, Devachur thiên (who creates as man: hoá thành người). Những trường hợp này không được phép xuất gia.

**ĐỐI VỚI CÁC VỊ SA-DI PHẢI HẾT SỨC  
CẨN THẬN TRONG TRƯỜNG HỢP "  
TẮM TRUÔNG" - TỨC LÀ TẮM NHƯNG  
KHÔNG MẶC Y.**

Nếu vị đó tự soi mình trong  
gương và thấy "Ôi mình  
đẹp quá..." và muốn trở về  
lại cuộc sống cư sĩ.

**THÌ NGAY LÚC ĐÓ VỊ ẤY  
ĐÃ KHÔNG CÒN LÀ SA-DI  
NỮA MÀ ĐÃ TRỞ THÀNH  
CƯ SĨ RỒI**

Nếu như vậy mà vị ấy đi ra  
ngoài (kuti) và đắp y trở lại thì  
vị ấy đã rơi vào trường hợp  
**THENAKA (Trộm Tăng Tướng)**

---

---



# HAVING ĀNANTARIYA KAMMAS PHẠM 5 TRỌNG NGHIỆP

## Having Ānantariya Kammas: Phạm 5 Trọng nghiệp

(A) Mātu-ghātaka =  
Matricide murder:  
Giết mẹ.

(B) Pītu-ghātaka =  
Patricide murder:  
Giết cha.

(C) Arahanta-ghātaka =  
The murder of an Arahant:  
Giết vị A-la-hán.

(D) Lohituppādaka =  
The causing wounding of the Buddha:  
Làm bị thương Đức Phật.

(E) Saṅgha-bhedaka =  
The causing schism in the Saṅgha:  
Chia rẽ Tăng.

5. **mātu-ghātaka** = *Matricide murder*: Giết mẹ

6. **pītu-ghātaka** = *Patricide murder*: Giết cha.

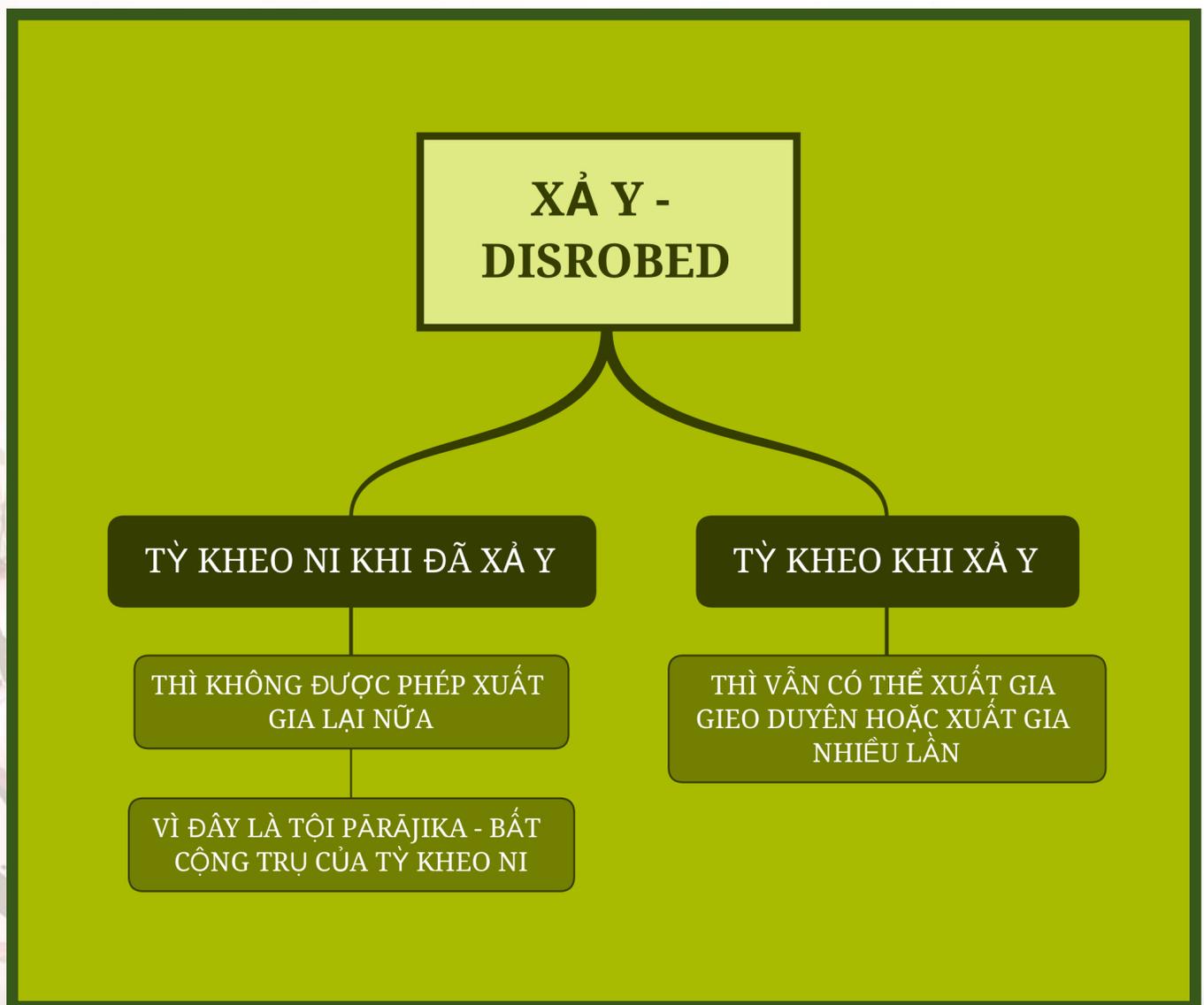
7. **arahanta-ghātaka** = *The murder of an Arahant*: Giết vị A-la-hán.
8. **lohituppādaka** = *The causing wounding of the Buddha*: Làm bị thương Đức Phật.
9. **Samgha-bhedaka** = *The causing schism in the Saṅgha*: Chia rẽ Tăng.

Tất cả chúng ta đều phải hết sức cẩn thận để không phạm vào 5 Ānantariya Kammās (trọng nghiệp).

10. **Bhikkhuni-dūsaka** = *who makes sexual intercourse to bhikkhuni*: Người mà quan hệ tình dục với tỳ kheo ni.
11. **Ubhatobyñjana** = *who has both male and female organ*: Người có cả bộ phận sinh dục nam và nữ.

Như vậy là có thêm 4 giới pārajika - bất cộng trụ, không áp dụng với các vị Tỳ-kheo và 11 hạng người không được phép xuất gia. Tổng cộng là có 15.

**Vibbhantā** = *disrobed bhikkhuni*: Tỳ-kheo ni đã xả y. Tỳ-kheo ni khác với Tỳ-kheo là khi đã xả y rồi thì không được phép xuất gia lại nữa, nhưng đối với Tỳ-kheo khi đã xả y thì vẫn có thể xuất gia gieo duyên hoặc xuất gia nhiều lần. Bởi vì Tỳ-kheo ni khi đã xả y rồi thì không được phép xuất gia lại nữa, chính vì thế đây là thêm một tội pārajika (15 + 1 = 16 giới bất cộng trụ).



## Thêm 4 tội pārajika - bất cộng trụ nữa:

1. **Mudupitṭhiko** = *having a flexible back and already put self-organ into self-mouth without disrobe*: Người có lưng dẻo và đưa bộ phận (sinh dục) ngậm vào miệng vị ấy khi chưa xả y.

17.

**Lambī mukhena gaṇhanto, aṅgajātaṃ parassa ca;**

**Tatthevābhiniśidanto, cattāro anulomikā.**

2. **Lambī** = *having long organ and already put self-organ into self-path such as mouth etc. without disrobe*: Người có căn dài (bộ phận sinh dục dài) và vị ấy tự mình đưa căn vào căn khác của mình như miệng v.v...khi vị đó chưa xả y. Trong chánh tạng pāli có ghi: **“tassa bhikkhussa aṅgajātaṃ dīghaṃ hoti lambati tasmā lambī ti vutto”** - Nghĩa rằng bộ phận sinh dục của vị đó rất dài.

**THÊM 4 TỘI  
PĀRĀJIKA - BẮT  
CỘNG TRỤ NỮA:**

1. Mudupitṭhiko = having a flexible back and already put self-organ into self-mouth without disrobe: Người có lưng dẻo và đưa bộ phận (sinh dục) ngậm vào miệng vị ấy khi chưa xả y.

2. Lambī = having long organ and already put self-organ into self-path such as mouth etc. without disrobe: Người có căn dài (bộ phận sinh dục dài) và vị ấy tự đưa căn vào căn khác của mình như miệng v.v...khi vị đó chưa xả y.

3. Mukhena = by mouth: bằng miệng. Người này dùng miệng của mình và ngậm căn của người khác.

4. Tatthevābhinisīdanto ( Tattheva + abhinisīdanto ) = who sit down on that other's organ): Vị Tỷ-kheo ngồi (đường tiêu của vị ấy) vào căn của vị khác.

3. **mukhena** = *by mouth*: bằng miệng; **gaṇhanto** = *who takes*: người ngậm; **aṅgajātaṃ parassa ca** = *other's organ*: căn người khác. Ý của câu này có nghĩa là người này dùng miệng của mình và ngậm căn của người khác.

4. **Tatthevābhiniśīdanto (Tattheva + abhiniśīdanto)** = *who sit down on that other's organ*: Vị Tỳ-kheo ngồi (đường tiêu của vị ấy) vào căn của vị khác.

**cattāro anulomikā (thus, 4 anuloma pārājikas)** = *which are conformity to...* : Bốn điều này là thuận theo 4 pārājika, điều mà hợp với bất cộng trụ.

Như vậy thì bây chúng ta đã liệt kê (16 + 4 = 20) giới bất cộng trụ.

**18.**  
**Magge maggappavesanā, methunassa idhāgatā;**  
**Cattāroti catubbīsa, samodhānā pārājikāti.**

**Magge maggappavesanā, methunassa** = *...to magge maggappavesana sexual intercourse*: Quan hệ tình dục.

**Idhāgatā (idha + āgatā)** = *directly mentioned in this Khuddasikkhā*: Nói trực tiếp trong Luật Tập Yếu này.

**Cattāro (i)ti = 4, thus: 4, như vậy.**

**catubbīsa = there are 24: Có 24.**

**samodhānā = totally): Tổng cộng.**

**Parājikā (i)ti = pārajikas, that is about pārajika:**  
Đó là về pārajika.

Như vậy là có tổng cộng 24 tội pārajika - bất cộng trụ.

Tiếp theo đây thì Sayadaw sẽ dạy cho chúng ta về Giới Tăng Tàng.

## **SAṄGHĀDISESANIDDESO CHƯƠNG TĂNG TÀNG**

**Garukā navāti –**

**19.**

**Mocetukāmatā sukka-ssupakkamma  
vimocayaṃ;**

**Aññatra supinanta, samaṇo garukaṃ phuse.**

**Garukā navāti = heavy āpatti,**

**Samghādisesa āpatti 9:** Tội nặng, tội trọng (9 tội Samghādisesa) bao gồm cả pārājika - bất cộng trụ và Samghādisesa - Tăng Tàng. Phần pārājika đã được Sayadaw giải thích rồi, bây giờ sẽ nói về tội Samghādisesa - Tăng Tàng.

**Mocetukāmatā(ya) = as release willingness/intension:** Muốn hoặc có tác ý cho xuất ra. Chi này rất là quan trọng để cầu nên tội Samghādisesa - Tăng Tàng, nếu không có tác ý thì sẽ không phạm.

**Sukka-ss(a) = semen:** Tinh dịch.

**Upakkamma = having done with effort:** Làm với sự cố gắng.

**Vimocayaṃ** = *who release*: Vị Tỳ-kheo làm cho xuất ra.

**Aññatra supinantena** (Aññatra: ngoại lệ; supinantena: Xuất tinh trong lúc ngủ) = *except emitting semen in a dream*: Ngoại trừ trường hợp xuất tinh trong lúc mơ ngủ (mộng tinh). Trong lúc mơ ngủ là có tác ý nhưng tác ý rất là nhỏ, vì vậy vẫn không đủ để cấu thành nên tội Saṃghādisesa - Tăng Tàng.

**samaṇo** = *bhikkhu*: Tỳ-kheo.

**garukaṃ** = *heavy āpatti*, **Saṃghādisesa āpatti**: Tội nặng, tội tăng tàng.

**phuse** = *reach*: Dẫn đến, cấu thành tội. Nghĩa thực sự của từ này là phạm tội Saṃghādisesa.

## **GIỚI TĂNG TÀNG (SAṂGHĀDISESA) THỨ NHẤT: CỐ Ý LÀM XUẤT TINH**

*Three factors for 1st Saṃghādisesa*: Ba chi (yếu tố) hội đủ để phạm tội tăng tàng thứ nhất. Nếu thiếu

một trong ba yếu tố này thì sẽ không phạm vào tội Saṃghādisesa thứ nhất.

**GIỚI TĂNG TÀNG (SAṂGHĀDISESA)  
THỨ NHẤT - CỐ Ý LÀM XUẤT TINH**

**CÓ 3 CHI**

- 1. Mocetukāmatā(ya) = as release willingness/intension: Muốn/ cố ý xuất ra.**
- 2. Upakkamma = having done with effort: Làm với sự gắng sức.**
- 3. Vimocayaṃ = cause to move, release: Vị đó đã cho xuất ra.**

1. **Mocetukāmatā(ya)** = *as release willingness/intension*: Muốn/ cố ý xuất ra.
2. **Upakkamma** = *having done with effort*: Làm với sự gắng sức.
3. **Vimocayaṃ** = *cause to move, release*: Vị đó đã cho xuất ra.

Đây là ba trường hợp sẽ phạm vào tội Saṃghādisesa. Nếu trường hợp vị đó không gắng sức nhưng bị xuất ra thì sẽ không phạm vào tội Saṃghādisesa. Ngay kể cả trường hợp vị Tỳ-kheo có tác ý làm cho xuất tinh nhưng không có sự cố gắng mà tinh dịch vẫn bị xuất ra thì vị đó cũng không phạm. Do vậy chúng ta phải hết cẩn thận, trước khi đi ngủ thì chúng ta nên niệm Buddhānusati (Ân Đức Phật) hoặc Anapana (niệm hơi thở). Nghĩa là chúng ta sẽ không bao giờ trước khi đi ngủ mà lại không có sự hành thiền anapana hoặc niệm Ân Đức Phật, chính vì vậy sự xuất tinh sẽ không bao giờ xảy ra.

Vị Tỳ-kheo đầu tiên phạm vào tội này là Đại Đức Ven Seyasaka và vị này lại chính là đệ tử của vị

Udayi. Vị Udāyī đã nói với đệ tử Seyasaka hãy làm cái chuyện này (tức là làm cho xuất tinh). Vị Tỷ-kheo Seyasaka này thì ăn nhiều, ngủ nhiều và phạm tội Saṃghādisesa đầu tiên này.

## GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA) THỨ NHÌ: XÚC CHẠM CƠ THỂ VỚI NGƯỜI NỮ

(Do vị Udāyī đã xúc chạm người nữ)

**20.**

**Itthisaññī manussitthiṃ, kāyasam̐saggarāgavā; Samphusanto upakkamma, samaṇo garukaṃ phuse.**

**Itthisaññī** = *having woman perception*: Có tưởng là nữ.

**manussitthiṃ** = *a human being woman*: Là người nữ.

Câu này có nghĩa: Vị Tỷ-kheo biết đó là người nữ và có sự xúc chạm đối với người nữ. Đây là nữ nhân chứ không phải là nữ chur thiên, thiên nữ hay súc sanh giống cái.

**Kāya+samsagga+rāgavā** = *who has bodily contact-lust*: Xúc chạm bằng thân do dục vọng. Nghĩa rằng vị Tỳ-kheo chỉ có ái dục là muốn xúc chạm mà thôi.

**Samphusanto** = *who touch*: Vị Tỳ-kheo xúc chạm.

**Upakkamma** = *having done with effort*: Vị Tỳ-kheo xúc chạm người nữ với sự gắng sức.

Trường hợp này là một vị Tỳ-kheo gắng sức muốn xúc chạm một người nữ. Có một số trường hợp khi Tỳ-kheo đi bệnh viện thì được các cô y tá xúc chạm nhưng vị Tỳ-kheo không cố gắng sức. Trường hợp như vậy thì sự gắng sức là của các cô y tá chứ vị Tỳ-kheo thì không có sự cố gắng trong trường hợp này. Trong trường hợp này thì tốt nhất là các cô y tá, bác sĩ nữ nên đeo găng tay.

Ngài Sayadaw có nói về trường hợp Ngài nói với bác sĩ nữ ở Mawlamyine là hãy đeo găng tay vào, nhưng có một số cô bác sĩ nữ không muốn đeo găng tay bởi vì họ sẽ có cảm nhận tốt hơn, do vậy các cô bác sĩ nữ không muốn đeo găng tay. Trong trường

này thì Ngài Sayadaw đã nói với các cô bác sĩ nữ là: "Okay, nếu như vậy thì các cô cứ tiếp tục". Như vậy thì trong trường hợp đó chúng ta sẽ cho họ xúc chạm, bởi vì lúc đó đang bị bệnh nặng và tâm ý lúc nào cũng phải hướng tâm đến đề mục thiền. Trong trường hợp này thì các Tỷ kheo nên nằm yên, ngồi yên, không nhúc nhích, đừng di chuyển bất cứ phần nào của thân. Rất may mắn là tu viện của chúng ta đã được các vị bác sĩ nam vào để tiêm chủng đầy đủ cho chư tăng.

**samaṇo** = *bhikkhu*: Tỷ kheo.

**garukaṃ phuse** = *reach* **Samghādisesa āpatti**: Dẫn đến tội tăng tàng, cấu thành tội nặng.

**Five factors for 2nd Samghādisesa**: Có năm yếu tố hội đủ để cấu thành tội Samghādisesa thứ hai (tội tăng tàng thứ hai). Nếu thiếu một trong năm chi (yếu tố) này thì sẽ không phạm vào tội Samghādisesa.

1. **Itthisaññī** = *knowing as woman*: Biết là nữ

## 2. **Manussitthiṃ** = *put on human being woman*: Xúc chạm vào người nữ.

GIỚI TĂNG TÀNG (SAṄGHĀDISESA)  
THỨ NHÌ: XÚC CHẠM CƠ THỂ VỚI  
NGƯỜI NỮ.

CÓ 5 CHI

Itthisaññī = knowing as woman: Biết là nữ

Manussitthiṃ = put on human being woman: Xúc chạm vào người nữ.

Kāya+samsagga+rāgavā = has bodily contact-lust: Thân xúc chạm với cái tâm dục vọng.

upakkamma = until touching with effort: Xúc chạm với sự gắng sức.

Samphusanto = touch hand etc: Ví dụ như xúc chạm vào tay của người nữ hoặc bất kỳ thân phần nào của người nữ..v.v, kể cả là tóc của người nữ.

3. **Kāya+samsagga+rāgavā** = *has bodily contact-lust*: Thân xúc chạm với tâm dục vọng.
4. **upakkamma** = *until touching with effort*: Xúc chạm với sự gắng sức.
5. **Samphusanto** = *touch hand etc*: Ví dụ như xúc chạm vào tay của người nữ hoặc bất kỳ thân phận nào của người nữ..v.v, kể cả là tóc của người nữ.

Trường hợp một vị Tỳ-kheo phải đi xe bus, tàu hoặc máy bay...v.v, để tránh xúc chạm vào người nữ thì vị Tỳ-kheo phải rất là cẩn thận.

Ví dụ:

Khi đi máy bay thì có 2 khoang hành khách: hạng thương gia thì chỉ có hai hàng ghế và hạng phổ thông thì có ba hàng ghế. Nếu vị Tỳ-kheo phải ngồi bên cạnh một người nữ thì phải làm như thế nào?

Đối với Ngài Sayadaw thì Ngài có rất nhiều kinh nghiệm khi đi vân du nơi này nơi khác. Có lúc thì Ngài xin đổi ghế được nhưng có lúc thì không xin

đôi ghế được. Có một lần Ngài Sayadaw đi máy bay và ngồi hạng ghế phổ thông. Khi ấy Ngài ngồi ghế cạnh cửa sổ, bên cạnh Ngài có lẽ là một cặp vợ chồng và cô vợ thì lại ngồi ghế cạnh với Ngài. Khi đó Ngài Sayadaw đã hỏi người chồng rằng:

*“Chú có thể đổi chỗ ngồi với vợ của chú hay không?”*

Nếu đổi chỗ thì đương nhiên chú ấy sẽ ngồi ở ghế cạnh với Ngài Sayadaw. Chúng ta có biết chú ấy đã trả lời Ngài thế nào không? Chú ấy trả lời rằng:

- “Không sao đâu, con cho phép, con cho phép”. Câu nói “con cho phép” mà chú ấy nói có nghĩa là chú ấy đồng ý cho cô vợ ngồi ở cái ghế cạnh với Ngài.

Chú này đã không hiểu ý của Ngài Sayadaw, bởi vì nói theo luật Vinaya thì Ngài không được phép ngồi cạnh người nữ. Nhưng chú ấy nghĩ rằng Ngài ngại ngồi cạnh vợ của chú nên chú ấy mới nói rằng:

- “Ô, con cho phép, không có sao cả”.

Sayadaw nghĩ rằng hai người họ không phải là Phật tử và họ là người phương Tây nên họ không hiểu được giới luật là như thế nào nên chú ấy mới nói như vậy. Lúc đó thì cả chuyến bay đã kín hết ghế rồi nên Ngài Sayadaw cũng không muốn làm phiền các tiếp viên hàng không, không muốn hỏi họ để đổi chỗ. Chính vì thế mà cả chuyến bay đó Ngài đã ngồi cạnh người nữ. Nếu các Tỳ-kheo trong trường hợp tương tự như vậy thì phải hết sức cẩn thận, và phải cẩn thận hơn nữa để không xúc chạm vào bất kỳ phần nào của người nữ.

Thông thường thì Ngài Sayadaw luôn luôn đi cùng với kappiya nhưng hôm đó thì kappiya lại không đi cùng với Ngài. Ngài Sayadaw hay đi vân du với Ngài Đại Trưởng Lão Pa Auk Sayadawgi và thông thường quý Ngài được các thí chủ cúng dường ghế ngồi hạng thương gia. Khi đó thì Ngài Sayadaw cùng với Ngài Pa Auk Sayadawgi bay từ Mỹ về Miến Điện nhưng lại quá cảnh ở Thái Lan. Chuyến bay từ Thái Lan về Miến Điện quý Ngài cũng được các thí chủ cúng dường ghế ngồi hạng thương gia. Trong chuyến bay đó thì quý Ngài đã ngồi ghế cạnh cửa sổ, nhưng ghế bên cạnh cửa sổ của các Ngài lại là ghế ngồi của một phụ nữ rất xinh đẹp. Thường thì

ghế hạng thương gia là dành cho những người doanh nhân, người giàu có và đương nhiên là họ không giống với người bình thường. Do vậy khi cô gái này bước vào và nhìn thấy các Ngài Sayadaw đang ngồi bên cạnh thì cô ấy đã rất ngạc nhiên và nhìn Ngài Sayadaw rất nhiều. Lúc bấy giờ Ngài Sayadaw đã gọi đề xin tiếp viên hàng không đề giúp Ngài đổi chỗ ngồi.

Bài hôm nay Sayadaw đã giảng xong. Hẹn gặp lại tất cả trong bài giảng lần sau.

**Sādhu! Sādhu! Sādhu!**

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

**Sādhu! Sādhu! Sādhu!**